

Số: /QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 19-CtrHĐ/TU ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thành ủy Thành phố ban hành triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 19-CtrHĐ/TU ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thành ủy Thành phố, Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 2870/TTr-STNMT-TNNKS ngày 18 tháng 4 năm 2025, Công văn số 2546/SNNMT-TNNKS ngày 11 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Công Thương; Bộ Xây dựng;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên UBND TP;
- VPUB: Các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Lưu: VT (ĐT/LT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

Phụ lục 01

**KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày..... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	LOẠI KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	TỌA ĐỘ (VN 2000 kinh tuyến 105° múi chiếu 6°)	GIẤY PHÉP ĐÃ CẤP	DIỆN TÍCH	TIÊU CHÍ KHOANH ĐỊNH
1	Long Hòa I	Cát san lấp	Long Hòa	Cần Giờ	A: 1,145,000; 708,500 B: 1,145,000; 709,500 C: 1,144,000; 709,500 D: 1,144,000; 708,500	- Giấy phép thăm dò số 01/GP-UBND ngày 12/01/2007 của Ủy ban nhân Thành phố. - Giấy phép khai thác số 722/GP- TNMT-QLTN ngày 14/9/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường.	100ha	Điểm g, khoản 1, Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ- CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
2	Long Hòa II	Cát san lấp	Long Hòa		A:1,147,000; 712,750 B:1,147,000; 713,750 C:1,146,000; 713,750 D:1,146,000; 712,750	- Giấy phép thăm dò số 02/GP-UBND ngày 12/01/2007 của Ủy ban nhân Thành phố. - Giấy phép khai thác số 721/GP- TNMT-QLTN ngày 14/9/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường.	100ha	
3	Long Hòa III	Cát san lấp	Long Hòa		A:1,145,000; 710,000 B:1,145,000; 711,000 C:1,144,000; 711,000 D:1,144,000; 710,000	Giấy phép thăm dò số 711/GP-TNMT- QLTN ngày 12/9/2007 của Sở	100ha	

						Tài nguyên và Môi trường		
4	Long Hòa IV	Cát san lấp	Long Hòa		A:1,146,500; 714,250 B:1,146,500; 715,250 C:1,145,500; 715,250 D:1,145,500; 714,250	Giấy phép thăm dò số 710/GP-TNMT-QLTN ngày 12/9/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường	100ha	
5	Long Hòa V	Cát san lấp	Long Hòa		A:1,143,500; 709,500 B:1,143,500; 710,500 C:1,142,500; 710,500 D:1,142,500; 709,500	Giấy phép thăm dò số 460/GP-TNMT-QLTN ngày 30/5/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường	100ha	
6	Long Hòa VI	Cát san lấp	Long Hòa		A:1,145,500; 712,725 B:1,145,500; 713,725 C:1,144,500; 713,725 D:1,144,500; 712,725	Giấy phép thăm dò số 461/GP-TNMT-QLTN ngày 30/5/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường.	100ha	
7	Long Hòa	Cát san lấp	Long Hòa		A:1,145,677; 705,506 B:1,144,959; 706,817 C:1,144,380; 706,488 D:1,145,144; 705,157	- Giấy phép thăm dò số 906/GP-TNMT-QLTN ngày 04/ 11/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường. - Giấy phép khai thác số 824/GP-TNMT-QLTN ngày 30/ 11/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường	100ha	
8	Cần Giờ	Cát san lấp	Long Hòa		A: 1,144,000; 713,000 B: 1,144,000; 713,617 C: 1,143,000; 714,000 D: 1,143,000; 713,000	- Giấy phép thăm dò số 708/GP-TNMT-QLTN ngày 25/10/2010 của	100ha	

						STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường. - Giấy phép khai thác số 369/GP-TNMT-QLTN ngày 23/4/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường.		
9	Cần Thạnh	Cát san lấp	Thị trấn Cần Thạnh		A:1,147,838; 718,448 B:1,149,219; 719,383 C:1,148,313; 719,772 D:1,147,951; 718,812	- Giấy phép thăm dò số 709/GP-TNMT-QLTN ngày 25/10/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường.	100ha	

Phụ lục 02

**BẢN ĐỒ KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày..... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

